

# TIẾNG HÁT CON TÀU

(2 tiết)

CHẾ LAN VIÊN

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được khát vọng và niềm hân hoan trong tâm hồn nhà thơ khi trở về với nhân dân, đất nước, cũng chính là tìm thấy nguồn nuôi dưỡng cho sự sáng tạo nghệ thuật, cho hồn thơ của mình.

– Thấy được những nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : sự sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng, triết lí.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

Về Chế Lan Viên và tập thơ *Ánh sáng và phù sa*, trong phần *Tiểu dẫn* của SGK đã nói khá rõ, ở đây chỉ bổ sung và nhấn mạnh vài điểm có liên quan đến việc tìm hiểu bài thơ *Tiếng hát con tàu*.

Chế Lan Viên (1920 - 1989) là một nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam. Con đường thơ của Chế Lan Viên đi qua hơn nửa thế kỉ sáng tạo với nhiều tìm tòi, trăn trở, nhiều biến đổi và bước ngoặt. Nhà thơ Tế Hanh nhận xét : "Nói chung thơ Chế Lan Viên trên năm mươi năm luôn luôn là một giọng thơ gây nhiều sự chú ý của dư luận, có thể nói Chế Lan Viên là một nhà thơ không yên ổn, anh không yên ổn trong trăn trở sáng tác của mình. Và cũng mang đến sự không yên ổn trong tình hình thơ của chúng ta"<sup>(1)</sup>. Trước Cách mạng tháng Tám, Chế Lan Viên tham gia "Trường thơ loạn" cùng với Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Bích Khê, Yến Lan,... mà lời tựa do Chế Lan Viên tự viết cho tập *Điều tàn* được coi là tuyên ngôn thơ của nhóm ấy. Trong lời tựa này, Chế Lan Viên đưa ra quan niệm : "Làm thơ là làm sự phi thường. Thi sĩ không phải là Người. Nó là Người mơ, Người say, Người điên". Thơ Chế Lan Viên thời ấy là sự chối từ cuộc đời, tìm về thế giới của điều tàn, kinh dị, siêu hình và có xu hướng đi vào thần bí.

---

(1) *Với Chế Lan Viên*, báo *Văn nghệ*, 20 - 6 - 1994.

Cách mạng tháng Tám 1945 đã giải thoát cho Chế Lan Viên và mở ra giai đoạn mới của thơ ông mà tập *Ánh sáng và phù sa* là một cột mốc rất quan trọng ghi nhận thành công chắc chắn của Chế Lan Viên trên hành trình thơ cách mạng. Các bài thơ trong tập này được sáng tác từ năm 1955 đến năm 1960. Đây là những năm đất nước ta vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với Chế Lan Viên, đây là những năm tháng mà nhà thơ phải nỗ lực phấn đấu vượt lên đau thương, bệnh tật và cả tấn bi kịch gia đình để giữ vững niềm tin và chỗ đứng trong cuộc đời. Cuộc hồi sinh của một con người, một tâm hồn thơ lại gặp gỡ cuộc hồi sinh của đất nước, điều đó đã khơi nguồn cảm hứng sâu xa và dào dạt cho tập thơ *Ánh sáng và phù sa*. Cảm hứng bao trùm trong tập thơ là lòng biết ơn và niềm hạnh phúc trong sự gắn bó với cuộc sống, với nhân dân và đất nước của một tâm hồn đã "từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui". *Tiếng hát con tàu* cùng với nhiều bài khác trong tập thơ (như *Chim lượn trăm vòng*, *Đi ra ngoài ô*, *Giữa Tết trồng cây*, *Ngoảnh lại mùa đông*, *Cành phong lan bể*, v.v.) đã bộc lộ nguồn cảm hứng dồi dào ấy của tác giả.

Bài thơ có liên quan đến một sự kiện kinh tế – xã hội : vào những năm 1958 - 1960, có phong trào vận động nhân dân – chủ yếu là thanh niên – miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc. Lớp thanh niên hồi ấy rất quen thuộc với bài thơ *Lên miền Tây* của Bùi Minh Quốc, một cây bút trẻ đương thời, với những câu thơ đầy cảm hứng lãng mạn : "Lứa tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy - Thì xa xôi biết mấy cũng lên đường". Nhưng bài thơ *Tiếng hát con tàu* không đơn giản là sự minh họa, tuyên truyền phục vụ cho một chủ trương chính sách. Với Chế Lan Viên, sự kiện kinh tế – xã hội ấy chỉ là một gợi ý, một điểm xuất phát cho nhà thơ thể hiện khát vọng về với nhân dân, đất nước, với những kỉ niệm sâu nặng nghĩa tình của nhân dân trong những năm kháng chiến gian khổ, cũng là tìm về nơi ngọn nguồn của hồn thơ. Sự kiện thời sự đã lùi xa, nhưng bài thơ thì vẫn còn lại như một chứng tích tâm hồn của nhà thơ, với những tình cảm và khát vọng vừa sôi nổi vừa lắng đọng, những suy ngẫm và cảm nhận về đời sống kết tinh được sự trải nghiệm của tác giả qua nhiều năm tháng.

Khai thác đề tài thời sự theo hướng này cũng có thể xem là một ưu điểm của tư duy thơ Chế Lan Viên. (Trong *Ánh sáng và phù sa* còn thấy những trường hợp khác như các bài *Giữa Tết trồng cây* ; *Tàu đến, tàu đi*,... cũng từ những sự kiện cụ thể mà mở ra những suy tưởng rộng rãi về đời sống).

## 2. Về phương pháp

Bài thơ khá dài, ở trên lớp GV nên tập trung vào hướng dẫn HS tìm hiểu phần 1 và phần 2 của bài thơ, đặc biệt là những hồi tưởng, kỉ niệm về nhân dân ở phần 2. Trước khi tìm hiểu chi tiết, cần hướng dẫn HS nắm được mạch phát triển của tư tưởng – cảm xúc trong bài thơ và ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con tàu, địa danh Tây Bắc.

Bài thơ bộc lộ khá rõ những chỗ mạnh của thơ Chế Lan Viên : sức mạnh trí tuệ thể hiện trong những suy tưởng, triết lí, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh phong phú, đa dạng. Cần giúp HS cảm nhận được những đặc sắc ấy của bài thơ. Bên cạnh những hình ảnh thực, dung dị, bài thơ còn có nhiều hình ảnh được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, hoà trộn thực với ảo. Loại hình ảnh ấy kích thích và đáp ứng nhu cầu tưởng tượng, sáng tạo của người đọc, làm phong phú cho thế giới nghệ thuật của tác phẩm. Với loại hình ảnh ấy, không nên gò bó HS vào một cách hiểu, cách cảm giống nhau, mà nên gợi mở và tôn trọng những cảm nhận riêng của mỗi HS.

## III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phân mở đầu

GV dựa vào phần *Tiểu dẫn* trong SGK và điểm 1 ở mục II trên đây để giới thiệu về tác giả, tác phẩm. Cần chú ý nhấn mạnh một số điểm sau :

– Chế Lan Viên là nhà thơ luôn trăn trở tìm tòi để tự đổi mới. Đời thơ của ông đi qua nhiều chặng đường mà ở chặng nào cũng có những tác phẩm đặc sắc, trở thành hiện tượng thơ gây được sự chú ý của công chúng văn học (nổi bật là các tập thơ : *Điều tàn, Ánh sáng và phù sa, Hoa ngày thường, chim báo bão, Di cảo thơ*).

– Về thời điểm và hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Tiếng hát con tàu* : Những năm 1958 - 1960, miền Bắc nước ta sôi nổi trong công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Phong trào vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng Tây Bắc đã lôi cuốn đông đảo thanh niên ở nhiều địa phương. Nhiều văn nghệ sĩ đã đến với miền Tây và có những tác phẩm thành công. Chế Lan Viên lúc đó chưa lên được với Tây Bắc, nhưng không khí thời sự ấy đã khơi gợi cảm hứng cho tác giả sáng tác bài *Tiếng hát con tàu*.

## 2. Phân nội dung chính

GV có thể tổ chức tìm hiểu bài thơ theo những câu hỏi trong SGK. Dưới đây là những gợi ý cho từng câu hỏi :

### *Câu hỏi 1*

– Để cảm nhận đúng về bài thơ này, cần hiểu những hình ảnh và địa danh mang tính *biểu tượng* bao trùm trong bài : *con tàu* và *Tây Bắc*. Con tàu ở đây là biểu tượng cho khát vọng ra đi, đến với những miền xa xôi, đến với nhân dân, đất nước và cũng còn là đến với những mơ ước, những ngọn nguồn của cảm hứng nghệ thuật. Vì thế mà mới có những câu thơ như : "Ngoài cửa ô ? Tàu đõi những vành trăng", "Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi ?", "Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép - Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia".

– Tây Bắc, ngoài tên gọi cụ thể của một vùng đất, còn là tiêu biểu cho mọi miền xa xôi của Tổ quốc, nơi có cuộc sống gian lao mà nặng nghĩa tình của nhân dân, nơi đã ghi khắc những kỉ niệm không thể quên của những người đã trải qua cuộc kháng chiến, nơi đang vẫy gọi đi tới. Lời giục giã, mời gọi ra đi, lên Tây Bắc, cũng là lời kêu gọi hãy trở về với chính lòng mình, tìm đến tâm hồn mình với những tình cảm sáng trong, nghĩa tình sâu nặng gắn bó với nhân dân và đất nước. Vì thế, bốn câu thơ đề từ của bài (mà tác giả có ý định làm đề từ chung cho một chùm thơ) đã khái quát tư tưởng và tình cảm của tác giả : "Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc - Khi lòng ta đã hoá những con tàu - Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát - Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu".

– Qua việc tìm hiểu, giải thích hai hình tượng biểu tượng cơ bản, GV giúp cho HS hiểu tựa đề bài thơ và bốn câu thơ đề từ. Ngược lại, từ chỗ hiểu tên bài thơ và lời đề từ, sẽ giúp hiểu đúng và cảm nhận sâu các hình tượng, các câu thơ trong bài.

### *Câu hỏi 2*

Tìm hiểu bố cục và mạch cảm xúc trong bài thơ.

– Bài thơ được bố cục theo trình tự diễn biến tâm trạng. Hai khổ đầu là sự trăn trở và lời mời gọi lên đường. Chín khổ giữa thể hiện khát vọng về với nhân dân, gọi lên những kỉ niệm kháng chiến đầy nghĩa tình với nhân dân và đất nước. Bốn khổ cuối là khúc hát lên đường sôi nổi, tin tưởng và say mê.

– Giọng điệu, âm hưởng của bài thơ cũng biến đổi theo mạch tâm trạng. Đoạn đầu là lời giục giã với những câu hỏi hối thúc ngày càng tăng tiến. (Chú ý cách "phân đôi" của chủ thể trữ tình tự đối thoại dưới hình thức như

lời thuyết phục một người khác : "Tàu gọi anh đi, sao chưa ra đi ? - Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép - Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia"). Đoạn giữa là lời bày tỏ trực tiếp tình cảm và dòng hoài niệm thiết tha, cảm động. Xen với những hình ảnh lung linh của hồi tưởng là những chiêm nghiệm, đúc kết trong giọng trầm lắng. Đoạn cuối, âm hưởng của khúc hát lên đường dồn dập, lời cuốn, bay bổng lãng mạn kết hợp với giọng trầm lắng trong suy tưởng và tình cảm lắng lại ; hình ảnh của đoạn cuối biến hoá bất ngờ, liên tưởng phong phú, táo bạo.

### ***Câu hỏi 3, 4***

– Trọng tâm khai thác của bài là ở phần 2, sau khi đã phân tích mạch diễn biến tâm trạng và cảm nhận chung về bài thơ như trên.

GV hướng dẫn HS phân tích khổ thơ "Con gặp lại... cánh tay đưa". Chú ý tìm hiểu ý nghĩa của các hình ảnh so sánh ở khổ thơ này.

– Lời mời gọi lên với Tây Bắc cũng chính là về với những kỉ niệm đẹp đẽ trong lòng mình, đánh thức dậy không chỉ những hoài niệm quá khứ mà cả khát vọng trong hiện tại. Để nói lên ý nghĩa sâu xa, niềm hạnh phúc lớn lao của việc trở về với nhân dân, tác giả dùng một loạt hình ảnh so sánh (trong khổ thứ năm, dùng liên tiếp năm hình ảnh so sánh) để khơi sâu, mở rộng thêm ý nghĩa của sự việc, của hành động đó. Những hình ảnh này đều dung dị, lấy từ đời sống tự nhiên và con người, chính vì thế mà gần gũi và gợi cảm. Về với nhân dân là về với những gì thân thuộc, gần gũi nhất của lòng mình, về với niềm vui và hạnh phúc từng khao khát chờ mong : "Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ - Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa" ; là về với ngọn nguồn thiết yếu của sự sống, của hạnh phúc, trong sự nuôi dưỡng, che chở, cứu mang : "Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa - Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa".

GV cho HS đọc và tìm hiểu đoạn thơ về nhân dân với hình ảnh những con người tiêu biểu cho sự hi sinh và nghĩa tình thấm thiết trong kháng chiến. Cần lưu ý đến cách xưng hô thân tình, ruột thịt của chủ thể trữ tình với những con người đại diện cho nhân dân : "Con nhớ mẹ", "Con nhớ anh con", "Con nhớ em con", "Anh bỗng nhớ em". Bằng những chi tiết cụ thể, gợi cảm, tác giả khắc hoạ hình ảnh những con người này với những hi sinh thầm lặng, lớn lao, với tình thương và sự che chở, đùm bọc trọn vẹn và rộng lớn. (Chú ý đến những từ ngữ chỉ thời gian : *suốt một đời, đêm cuối cùng, mười năm tròn, một mùa dài, trọn đời,...*). Những câu thơ nói về tình nghĩa nhân dân biểu lộ một lòng biết ơn sâu nặng, sự gắn bó chân thành và những xúc động thấm thía của một tấm lòng, một trái tim.

Trong đoạn này, cùng với những hình ảnh xây dựng theo lối tả thực, cụ thể, lại có những liên tưởng bất ngờ, gợi lên những hình ảnh đẹp, mới lạ, lung linh sắc màu : "Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét - Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng - Như xuân đến chim rừng lông trở biếc",... Có những hình ảnh thực mà giàu xúc động, cô đúc : "Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc - Năm con đau, mẹ thức một mùa dài",...

### ***Câu hỏi 5***

GV lưu ý HS về vị trí của hai khổ thơ nói về tình yêu trong phần 2 của bài thơ : sau những khổ thơ nói về nghĩa tình và kỉ niệm với nhân dân qua những hình ảnh cụ thể (bà mẹ, người anh du kích, thành em liên lạc), đoạn thơ kết lại bằng những kỉ niệm về tình yêu và hình ảnh người con gái Tây Bắc.

- Cho HS tập trung tìm hiểu và phát biểu cảm nhận của mình về khổ thơ "Anh bỗng nhớ em... hoá quê hương". Lưu ý HS đọc chú giải về "cánh kiến hoa vàng" trong SGK.

- Bốn câu thơ không chỉ thể hiện nỗi nhớ về một tình yêu, mà là suy ngẫm, triết lí về quy luật của tình yêu. Những so sánh đặc sắc ở ba câu đầu khổ thơ vừa quen thuộc vừa mới lạ, nhưng đều nói về tính chất tất yếu như một quy luật của tự nhiên, của sự sống trong tình yêu : như cái rét với mùa đông, như cây cánh kiến nở hoa vàng, chim rừng lông trở biếc khi mùa xuân đến. Câu cuối của khổ thơ khái quát một quy luật : "Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương".

- Vì sao đoạn thơ nói về kỉ niệm với Tây Bắc kết lại bằng những câu thơ nói về tình yêu ? Có thể nghĩ rằng, tình yêu ở đây là sự kết tinh sâu sắc và cao độ của những kỉ niệm và sự gắn bó máu thịt với Tây Bắc, cũng là với kháng chiến, đất nước. Cũng chính vì thế mà có câu thơ khái quát về quy luật tình yêu : "Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương" và hình ảnh cô gái Tây Bắc cũng hiện ra trong công việc và giữa khung cảnh kháng chiến : "Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch - Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng".

### ***Câu hỏi 6***

- Bốn khổ thơ cuối là khúc hát lên đường đầy lời cuốn, sôi nổi, mê say, nhưng cũng tiếp tục phát triển mạch suy tưởng của bài thơ lên một bước nữa.

Tiếng gọi của đất nước, của nhân dân, của đời sống đã thành sự thôi thúc bên trong, thành lời giục giã của chính lòng mình nên càng không thể chần chừ ("Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ? - Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ"), thành nỗi khát khao bồn chồn không thể cưỡng được ("Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga - Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng", v.v.).

Nỗi khát khao ấy càng thôi thúc tâm hồn nhà thơ vì đó cũng là về với ngọn nguồn của hồn thơ, của cảm hứng sáng tạo. Những năm tháng gian khổ, những hi sinh lớn lao, những đau thương chiến tranh nay đã kết tinh thành "Mùa nhân dân giãng lúa chín rì rào" trên "Mặt đất nóng nhựa nóng của cần lao", thành "vàng" của tâm hồn, thành "trái chín đầu xuân", đang mời gọi những tâm hồn thơ, đang vẫy gọi cả những "con mơ", những "mộng tưởng".

– Trong đoạn này, cùng với âm hưởng sôi nổi, lời cuốn của các câu thơ là những hình ảnh phong phú, biến hoá sáng tạo, chủ yếu là những hình ảnh biểu tượng và ẩn dụ. (Hình ảnh con tàu trên đoạn đầu được trở lại thành hình ảnh trung tâm, cùng với những "mùa nhân dân giãng lúa chín", "vàng ta đau trong lửa", "vàng trắng", "Mặt hồng em trong tuổi lớn mùa xuân").

Tạo ra âm hưởng lời cuốn của đoạn thơ kết thúc này có vai trò của biện pháp trùng điệp : lấy lại và mở rộng một hình ảnh hay một từ ngữ của câu cuối khổ thơ trên xuống câu đầu của khổ thơ dưới, làm cho các khổ thơ liền mạch, dồn dập, trùng điệp ("Mắt ta thêm máng ngói đỏ trăm ga - Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng" ; "Mặt đất nóng nhựa nóng của cần lao - Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đỏ",...).

#### **Câu hỏi 7** (Có thể kết hợp với Câu hỏi 4, 5 ở trên)

GV yêu cầu HS tìm và bình luận những câu thơ có tính khái quát, triết lí về quy luật tình cảm, cụ thể là sự gắn bó của mỗi người với những mảnh đất mà họ từng sống, cũng chính là sự gắn bó với đất nước, nhân dân.

Từ những kỉ niệm, hoài niệm về nhân dân và kháng chiến, bài thơ đưa tới những suy ngẫm khái quát :

*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*

*Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn !*

*[...] Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.*

Những câu thơ cô đúc như những châm ngôn, triết lí, nhưng không khô khan, nó nói về quy luật của tình cảm, của trái tim và được cảm nhận bằng chính trái tim.

Kết hợp cảm xúc và suy tưởng, nâng xúc cảm, tình cảm lên thành những suy ngẫm triết lí – đó là thành công của đoạn thơ này, cũng là ưu điểm của thơ Chế Lan Viên trong những bài thành công.

### 3. Phân củng cố

– Sau khi phân tích bài thơ, GV yêu cầu HS trở lại với nhan đề và bốn câu thơ đề từ, giải thích và nêu cách hiểu của mình.

– Từ bài *Tiếng hát con tàu*, GV nêu những nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật Chế Lan Viên : chất suy tưởng, triết lí và bút pháp sáng tạo hình ảnh phong phú, đa dạng.

– Từ thơ Chế Lan Viên, gợi cho HS về vẻ đẹp trí tuệ trong thơ (xem phần *Tri thức đọc - hiểu*).

## IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

### 1. Yêu cầu

Nêu được sự phong phú, đa dạng của các hình ảnh trong bài thơ, nghệ thuật sáng tạo hình ảnh của tác giả và giá trị của những hình ảnh ấy.

### 2. Nội dung

– Thống kê, phân loại các hình ảnh : hình ảnh tả thực, biểu tượng – tượng trưng, hình ảnh ảo,...

– Các thủ pháp xây dựng hình ảnh : tả thực, ẩn dụ, so sánh, tưởng tượng, liên kết thành chuỗi, đối lập,...

– Nhận xét về giá trị tư tưởng – thẩm mỹ của các hình ảnh trong bài thơ.

– Nét đặc sắc nổi bật của nghệ thuật thơ trong bài này là sự sáng tạo hình ảnh. Có những hình ảnh được sáng tạo theo bút pháp tả thực (*bản sương giăng, đèo mây phủ, lửa hồng soi tóc bạc, chim rừng lông trở biếc, Vất xôi nuôi quân em giấu giữa rừng,...*), có khi cụ thể đến chi tiết (*Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách*). Nhưng phong phú hơn là loại hình ảnh – biểu tượng, hình ảnh ẩn dụ tượng trưng (*con tàu, vầng trăng, trái đầu xuân, vàng ta đau trong lửa, Mặt hồng em trong suốt lớn mùa xuân,...*). Có thể nói, câu thơ của Chế Lan Viên được cấu tạo bằng hình ảnh, thường là xâu chuỗi, liên kết thành chùm, hoặc tầng tầng lớp lớp. Tác giả sử dụng nhiều biện pháp xây dựng hình ảnh. So sánh được dùng phổ biến nhưng cũng rất đa dạng (khổ 5 và khổ 10), cùng với ẩn dụ được dùng rộng rãi. Sức tưởng tượng, liên tưởng rất mạnh mẽ và nhiều khi bất ngờ, tạo ra những so sánh mới lạ, những hình ảnh gợi tưởng tượng phong phú cho người đọc ("Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét - Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng" ; "Ai bảo con tàu không mộng tưởng ? - Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng").



Các biện pháp tu từ, đặc biệt là các biện pháp chuyển nghĩa được sử dụng rộng rãi cùng với hình ảnh phong phú, làm cho bài thơ có vẻ đẹp tinh tế, có lúc rục rờ và một chút câu kì (có người đã nhận xét thơ của Chế Lan Viên như người phụ nữ đẹp, ưa trang sức và biết cách trang điểm). Có khi, ý tứ không phải là mới lạ, chữ và hình ảnh cũng không phải không có những chỗ mòn sáo (*nhựa nóng của cần lao, chín trái đầu xuân, suối lớn mùa xuân,...*), nhưng bài thơ nhìn chung vẫn gây được ấn tượng thẩm mỹ đậm nét ; ở trường hợp này, cái tài (kỹ thuật chữ nghĩa và hình ảnh) không át đi mà làm tôn lên cái tình của nhà thơ (tình cảm với nhân dân, với đất nước, với kháng chiến).

## V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Chế Lan Viên – Về tác gia và tác phẩm*, Vũ Tuấn Anh giới thiệu và tuyển chọn, NXB Giáo dục, 2007.

– *Chế Lan Viên*, Nguyễn Văn Long tuyển chọn và biên soạn, NXB Giáo dục, 2001.

– Hà Minh Đức, *Chế Lan Viên và bài "Tiếng hát con tàu"*, trong sách *Nhà văn nói về tác phẩm*, Sdd.